

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Số: 09/2022/QĐST-DS

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tân Uyên, ngày 07 tháng 7 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

V/v yêu cầu xác định tài sản của người phải thi hành án trong khối tài sản chung để thi hành án

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên họp: Bà Lê Thị Ngọc Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 16/2021/TLST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2021 về việc yêu cầu xác định tài sản của người phải thi hành án trong khối tài sản chung để thi hành án, theo Quyết định mở phiên họp số 16/2022/QĐST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên họp số 01/2022/QĐST-VDS ngày 28/6/2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:* Bà Lê Thị C, sinh năm 1985; địa chỉ: Khu phố L, phường K, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị C: Ông Thái Thanh H, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ 2, khu phố 1, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương và ông Nguyễn Hữu K, sinh năm 1998; địa chỉ: Tổ 1, khu phố 3, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương (Hợp đồng ủy quyền ngày 25/6/2022); có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lê Thị Kim H, sinh năm 1968; địa chỉ: Tổ 1, khu phố L, phường K, thị xã T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

2. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1970; địa chỉ: địa chỉ: Tổ 1, khu phố L, phường K, thị xã T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ 1, khu phố L, phường K, thị xã T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

4. Ông Nguyễn Tiến Đ, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ 1, khu phố L, phường K, thị xã T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

5. Bà Nguyễn Thị Tố U, sinh năm 1997; địa chỉ: Tổ 1, khu phố L, phường K, thị xã T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

6. Cháu Nguyễn Tiến T, sinh năm 2016 và cháu Nguyễn Thị Tố V, sinh năm 2018; cùng địa chỉ: Tổ 1, khu phố L, phường K, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật của cháu T và cháu V: Ông Nguyễn Tiến Đ và bà Nguyễn Thị Tố U (cha mẹ). Ông Đ có mặt, bà U có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo nội dung đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự, lời khai trong quá trình giải quyết việc dân sự và tại phiên họp của bà Lê Thị C thể hiện:

Theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận số 05/2020/QĐST-DS ngày 21/02/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương thì bà Lê Thị Kim H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Lê Thị C số tiền 624.000.000 đồng. Sau khi có Quyết định công nhận thỏa thuận, bà H không thực hiện nên bà C có đơn yêu cầu thi hành án. Ngày 25/5/2020, Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên ban hành Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 1025/QĐ-CCTHADS buộc bà H thanh toán cho bà C số tiền trên. Tuy nhiên, bà H không thực hiện theo quyết định.

Quá trình giải quyết, Chấp hành viên đã xác minh điều kiện thi hành án đối với bà Lê Thị Kim H xác định bà H có tài sản là phần tài sản chung trong khối tài sản của hộ là phần đất diện tích 1007m² (ODT: 300m², CLN: 707m², trong đó có 248,7m² thuộc HLATĐB) thuộc thửa 84, tờ bản đồ số 31 tại phường K, thị xã T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Sở TNMT tỉnh Bình Dương cấp ngày 28/3/2018 cho hộ bà Lê Thị Kim H số bìa CL628010, số vào sổ SC10210. Ngày 30/3/2021, Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên đã có Thông báo số 268/TB-CCTHADS thông báo cho các thành viên trong hộ bà Lê Thị Kim H thực hiện phân chia tài sản chung của hộ gia đình là thửa đất 84, tờ bản đồ số 31 nêu trên. Tuy nhiên, hết 30 ngày theo quy định các thành viên trong hộ bà H không thực hiện phân chia tài sản và không có căn cứ xác định được tài sản của bà Lê Thị Kim H trong khối tài sản chung của hộ bà Lê Thị Kim H nên Chấp hành viên đã thông báo cho bà Lê Thị C thực hiện quyền yêu cầu Tòa án xác định tài sản của bà Lê Thị Kim H trong khối tài sản chung của hộ là quyền sử dụng đất thửa 84, tờ bản đồ 31 và tài sản gắn liền với đất để thi hành án.

Do đó, bà Lê Thị C yêu cầu Tòa án xác định phần tài sản của người phải thi hành án là bà Lê Thị Kim H trong khối tài sản chung của hộ bà Lê Thị Kim H là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa số 84, tờ bản đồ số 31 tại phường K, thị xã T, tỉnh Bình Dương để thi hành án.

Người yêu cầu thống nhất kết quả đo đạc, định giá của cơ quan chuyên môn.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Kim H trình bày:

Theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận số 05/2020/QĐST-DS ngày 21/02/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương thì bà Lê Thị Kim H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Lê Thị C số tiền 624.000.000 đồng. Sau khi có Quyết định công nhận thỏa thuận, bà H không thực hiện nên bà C có đơn yêu cầu thi hành án. Ngày 25/5/2020, Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên ban hành Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 1025/QĐ-CCTHADS buộc bà H thanh toán cho bà C số tiền trên. Tuy nhiên, bà H không có tiền để thi hành theo quyết định.

Ngày 14/4/2021, bà H và các thành viên trong hộ có nhận Thông báo về việc chia tài sản chung của hộ gia đình số 268/TB-CCTHADS ngày 30/3/2021 để thi hành án nhưng cho rằng bà H không có tài sản trong khối tài sản của hộ gia đình nên các thành viên trong hộ bà H không tự phân chia và cũng không yêu cầu Tòa án phân chia.

Số tiền bà H phải thi hành án đối với bà C là tiền nợ hui và không liên quan đến các thành viên khác trong gia đình, hiện nay bà H không có tài sản, không thể trả cho bà C 01 lần, bà H chỉ đồng ý trả mỗi tháng 10.000.000 đồng cho bà C từ tiền buôn bán, tiền cho thuê nhà.

Do bà H không có tài sản trong khối tài sản chung của hộ gia đình là thửa đất trên nên bà H không đồng ý với yêu cầu của bà C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị Mỹ T, ông Nguyễn Tiến Đ, bà Nguyễn Thị Tố U thống nhất trình bày:

Không đồng ý yêu cầu của bà Lê Thị C về việc yêu cầu xác định tài sản của bà H trong khối tài sản của hộ gia đình. Bởi vì, bà H chỉ đứng tên đất thay cho chồng bà ông Nguyễn Văn N. Nguồn gốc đất là do cha ruột của ông N là ông Nguyễn Văn Ngọt cho ông N năm 1992 nhưng thời điểm đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông N đi học sư phạm (nhập hộ khẩu ở trường) nên bà H phải thay mặt ông N đứng tên trên giấy chứng nhận. Do đó, tài sản này là tài sản của riêng ông N, không phải tài sản chung của hộ gia đình, không phải tài sản chung của vợ chồng nên yêu cầu của bà C là không có căn cứ.

Đối với tài sản gắn liền với đất: Nhà trọ cho thuê xây cất bằng tiền của ông N khoảng năm 2005; còn nhà và kiot xây cất khoảng năm 2012 từ nguồn tiền Nhà nước bồi thường dự án nâng cấp mở rộng đường ĐT746 và tiền vợ chồng vay ngân hàng.

Ông Nguyễn Tiến Đ, bà Nguyễn Thị Mỹ T, bà Nguyễn Thị Tố U xác định không có công sức đóng góp trong việc tạo lập tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất này. Các ông, bà xác định đây là tài sản riêng của ông N, không phải tài sản chung vợ chồng ông N, bà H, không phải tài sản chung hộ gia đình.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất kết quả đo đạc của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã Tân Uyên và kết quả định giá của Hội đồng định giá xác định.

Tại phiên họp, người đại diện theo ủy quyền của bà C giữ nguyên nội dung đơn yêu cầu của bà Lê Thị C, đề nghị Tòa án xác định phần tài sản của bà H là quyền sở hữu, sử dụng đối với $\frac{1}{2}$ thửa đất 84, tờ bản đồ số 31 và $\frac{1}{2}$ tài sản gắn liền với đất. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Kim H, ông Nguyễn Tiến Đ, bà Nguyễn Thị Mỹ T xác định tài sản là của riêng ông N; bà H và các con không có công sức đóng góp, tạo lập; không phải tài sản chung của hộ gia đình, không phải là tài sản chung của vợ chồng ông N, bà H nên không đồng ý yêu cầu của bà Lê Thị C.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên họp:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên thụ lý việc dân sự là đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục và đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét đơn yêu cầu. Quá trình giải quyết và tại phiên họp, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng; những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định.

- Về nội dung: Theo hồ sơ cung cấp thông tin về thửa đất 84, tờ bản đồ 31 cấp lần đầu cho hộ bà Lê Thị Kim H ngày 17/5/1999 thể hiện nguồn gốc do cha mẹ cho năm 1992. Thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà H không là thành viên trong bất kỳ hộ nào do đã cắt khẩu nhưng chưa nhập khẩu (Theo biên bản xác minh tại Đội Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an thị xã Tân Uyên). Bà H và ông N chung sống như vợ chồng từ năm 1989 nhưng đến năm 2002 mới đăng ký kết hôn nên quan hệ vợ chồng được xác định từ năm 1989. Năm 1999, bà H không có đăng ký hộ khẩu thường trú nhưng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà Lê Thị Kim H. Ông N không có văn bản ủy quyền cho bà H đăng ký và đứng tên quyền sử dụng đất. Thời điểm này, bà Nguyễn Thị Mỹ T 10 tuổi và ông Nguyễn Tiến Đ 9 tuổi. Bà T và ông Đ cũng xác định không có công sức đóng góp tạo lập tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất này. Căn cứ khoản 1 Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, quyền sử dụng đất được xác định là tài sản chung của vợ chồng. Đối với tài sản trên đất được xây dựng vào năm 2005 và năm 2012 (trong thời kỳ hôn nhân của ông N, bà H) các đương sự xác định là tài sản riêng của ông N; bà H và các con không có công sức đóng góp, tạo lập. Ông N không có chứng cứ chứng minh đây là tài sản riêng của ông N. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 thì tài sản trên đất được xác định là tài sản chung của vợ chồng. Đề nghị Thẩm phán chấp nhận đơn yêu cầu của bà C, xác định bà Lê Thị Kim H được quyền sử dụng, sở hữu đối với $\frac{1}{2}$ thửa đất 84, tờ bản đồ số 31, diện tích $1.007m^2$ và $\frac{1}{2}$ tài sản trên đất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Lê Thị Kim H là người phải thi hành án cư trú tại khu phố L, phường K, thị xã T, tỉnh Bình Dương và tài sản yêu cầu giải quyết thuộc phường K, thị xã T nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

nhân dân thị xã T theo quy định tại khoản 9 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm n khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên họp, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị Tố U vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt. Cứ khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Thẩm phán tiến hành phiên họp vắng mặt ông N, bà U theo quy định.

[3] Về nội dung: Căn cứ theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận số 05/2020/QĐST-DS ngày 21/02/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên và Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 1025/QĐ-CCTHADS ngày 25/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, bà Lê Thị Kim H là người phải thi hành án đối với khoản tiền 624.000.000 đồng cho người được thi hành án là bà Lê Thị C. Bà H không thực hiện theo các quyết định trên. Qua xác minh điều kiện thi hành án xác định bà Lê Thị Kim H có tài sản chung là phần đất diện tích 1007m² (ODT: 300m², CLN: 707m², trong đó có 248,7m² thuộc HLATĐB) thuộc thửa 84, tờ bản đồ số 31 tại phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 28/3/2018 cho hộ bà Lê Thị Kim H số bìa CL628010, số vào sổ SC10210. Ngày 30/3/2021, Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên đã có Thông báo số 268/TB-CCTHADS thông báo cho các thành viên trong hộ bà Lê Thị Kim H thực hiện phân chia tài sản chung của hộ gia đình là thửa đất nêu trên. Tuy nhiên, hết 30 ngày theo quy định các thành viên trong hộ bà H không thực hiện phân chia tài sản nên Chấp hành viên đã thông báo cho bà Lê Thị C thực hiện quyền yêu cầu Tòa án xác định tài sản của bà Lê Thị Kim H trong khối tài sản chung của hộ để thi hành án là đúng quy định tại Điều 74 Luật Thi hành án dân sự.

[4] Ngày 14/4/2020, bà H và các thành viên trong gia đình đã nhận được Thông báo số 268/TB-CCTHADS phân chia tài sản chung của hộ gia đình là thửa đất 84, tờ bản đồ số 4 để thi hành án cho bà Lê Thị C. Tuy nhiên, hết thời hạn 30 ngày theo quy định, các thành viên trong hộ gia đình bà H không thực hiện quyền phân chia tài sản. Do đó, Chấp hành viên đã thông báo cho bà Lê Thị C được quyền nộp đơn yêu cầu Tòa án xác định tài sản của bà Lê Thị Kim H trong khối tài sản chung để thi hành án là đúng quy định.

[5] Căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS10212 do Sở TNMT tỉnh Bình Dương cấp cho hộ bà Lê Thị Kim H có diện tích 1007m² thửa số 84, tờ bản đồ số 31 tại phường K, thị xã T, tỉnh Bình Dương, hồ sơ cấp đất lần đầu đối với thửa đất thể hiện nguồn gốc cha mẹ cho năm 1992 (Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ngày 14/3/1999 của bà Lê Thị Kim H khai).

[6] Theo kết quả xác minh tại Đội Cảnh sát QLHC về TTXH Công an thị xã Tân Uyên thể hiện: Thời điểm cấp GCNQSDĐ lần đầu năm 1999 bà Lê Thị Kim H không đăng ký hộ khẩu ở bất cứ địa chỉ nào. Cụ thể: Thời điểm trước năm 1989 bà H chung hộ khẩu với cha là ông Lê Văn M ở tổ 3, ấp 4A, xã K, huyện T, tỉnh Bình Dương, đến năm 1989, bà H lập gia đình với ông Nguyễn Văn N. Tháng 4/1997, ông N và bà H cất nhà và sinh sống tại ấp L, xã K, huyện T nhưng không

đăng ký hộ khẩu thường trú và đã cắt khẩu khỏi hộ ông Lê Văn M. Đến tháng 08/2002, bà H mới đăng ký hộ khẩu tại tổ 1, L, K, Tân Uyên là thành viên trong hộ ông Nguyễn Văn N. Do đó, bà Lê Thị Kim H đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Lê Thị Kim H là chưa phù hợp.

[7] Ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị Kim H kết hôn và chung sống từ năm 1989, đăng ký kết hôn ngày 19/8/2002. Căn cứ Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, ông N, bà H đăng ký kết hôn trong giai đoạn từ ngày 01/01/2001 đến ngày 01/01/2003 nên thời kỳ hôn nhân được xác lập từ thời điểm xác lập quan hệ vợ chồng. Như vậy, có căn cứ xác định quan hệ vợ chồng giữa ông N và bà H xác lập từ năm 1989. Đến năm 1992, cha mẹ cho quyền sử dụng đất thửa 84, tờ bản đồ số 31 và bà H là người đăng ký kê khai và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thửa đất hình thành trong thời kỳ hôn nhân giữa ông N và bà H, ông N không chứng minh được đây là tài sản riêng của ông N nên quyền sử dụng đất đối với thửa đất này là tài sản chung của vợ chồng. Mặt khác, các con của ông N, bà H xác định không có công sức đóng góp, tạo lập tài sản. Lời trình bày của bà Nguyễn Thị Mỹ T và ông Nguyễn Tiến Đ là phù hợp vì thời điểm được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà T 10 tuổi và ông Đ 9 tuổi. Việc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho rằng đất là tài sản riêng của ông N là không có cơ sở. Như vậy, quyền sử dụng đất đối với thửa đất 84, tờ bản đồ 31, diện tích 1007m² (đo đạc thực tế 933,8m²) được hình thành trong thời kỳ hôn nhân, ông N, bà H đều có công sức như nhau nên bà H có quyền sử dụng đối với ½ quyền sử dụng đất tương đương 503,5m² (đo đạc thực tế 466,9m²).

[8] Theo kết quả thẩm định, đo đạc xác định tài sản trên thửa đất gồm: Nhà trọ cho thuê, nhà ở cấp 4, 02 dãy kiot cho thuê, mái che, bồn nước và nhà vệ sinh. Những tài sản này được hình thành trong thời kỳ hôn nhân của ông N, bà H. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất trình bày các tài sản này hình thành năm 2005 và năm 2012, hình thành từ nguồn tài sản của chung vợ chồng và tiền vợ chồng ông N, bà H cùng vay ngân hàng, hoa lợi từ việc cho thuê tài sản được dùng để chăm lo cho các con và phục vụ nhu cầu sinh hoạt của gia đình. Do đó, đây là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân theo Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cho rằng nhà trọ cho thuê được xây dựng năm 2005 từ tài sản riêng của ông N nhưng không có chứng cứ chứng minh. Ông N và bà H có công sức tạo lập, giữ gìn tài sản ngang nhau nên mỗi người có ½ quyền sở hữu đối với tài sản trên đất.

[9] Theo yêu cầu của bà Lê Thị C và quan hệ pháp luật Tòa án thụ lý là xác định phần sở hữu của người phải thi hành án trong khối tài sản chung theo Luật Thi hành án dân sự và khoản 9 Điều 27 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án chỉ xác định phần tài sản của bà H trong khối tài sản chung.

[10] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên họp về thủ tục tố tụng và quan điểm giải quyết việc dân sự là phù hợp.

[11] Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: Bà Lê Thị C phải chịu theo quy định

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm n khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 361, Điều 367, Điều 369, Điều 370, Điều 371 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 213, 216, 219 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị C về việc yêu cầu xác định tài sản của bà Lê Thị Kim H trong khối tài sản chung để thi hành án.

1.1 Bà Lê Thị Kim H có quyền sử dụng đối với $\frac{1}{2}$ diện tích đất 1007m² (diện tích đo đạc thực tế là 933,8m²) thuộc thửa 84, tờ bản đồ số 31 tại phường K, thị xã T, tỉnh Bình Dương, tương đương với diện tích đất 503,5m² (đo đạc thực tế 466,9m²).

1.2 Bà Lê Thị Kim H có quyền sở hữu đối với $\frac{1}{2}$ tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số 84, tờ bản đồ số 31 tại phường K, thị xã T, tỉnh Bình Dương (bao gồm: Kiot cho thuê, nhà trọ cho thuê, nhà ở cấp 4, nhà vệ sinh, bồn nước, mái che).

Có sơ đồ bản vẽ kèm theo.

2. Lệ phí giải quyết việc dân sự: Bà Lê Thị C phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu số 0005523 ngày 02/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

3. Chi phí tố tụng: Bà Lê Thị C phải chịu 11.834.727 đồng được khấu trừ vào tạm ứng đã nộp.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Người yêu cầu; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự có mặt tại phiên họp được quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự vắng mặt tại phiên họp được quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Tân Uyên;
- CCTHADS thị xã Tân Uyên;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(đã ký)

Nguyễn Thị Quỳnh Nga